



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01582

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Tên sản phẩm : Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)  
Số lượng/ khối lượng : 20 thùng/ 500 kg  
Ngày sản xuất : 16/11/2024  
Hãng, nước sản xuất : Shandong NHU Fine Chemical Science and  
Technology Co., Ltd, China  
Thuộc lô hàng nhập khẩu  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01583

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Vitamin B12 Feed Additive  
**Số lượng/ khối lượng** : 20 thùng/ 500 kg  
**Ngày sản xuất** : 09/01/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Yuxing Biotechnology (Group) Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Pha Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01584

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : 80% Riboflavin (Vitamin B2)  
**Số lượng/ khối lượng** : 60 thùng/ 1.500 kg  
**Ngày sản xuất** : 12-13/01/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01585

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Vitamin A Acetate 1000  
**Số lượng/ khối lượng** : 40 bao/ 1.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 24/02/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Zhejiang NHU Company Ltd., China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01586

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Vitamin D3 500  
**Số lượng/ khối lượng** : 60 thùng/ 1.500 kg  
**Ngày sản xuất** : 11/10/2024  
**Hãng, nước sản xuất** : Zhejiang Garden Nutrition Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01587

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Feed Additive Vitamin B1 (Thiamine Mononitrate)  
**Số lượng/ khối lượng** : 20 thùng/ 500 kg  
**Ngày sản xuất** : 21/01/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**







CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01588

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Niacinamide Feed Grade  
**Số lượng/ khối lượng** : 200 thùng/ 5.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 24/01/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Shandong Kunda Biotechnology Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600040675 ngày 07/01/2025  
Hóa đơn số : 9208914386 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : 1065277104  
Giấy đăng ký kiểm tra : 1907/HQ-GDK-TTKN ngày 25/3/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033629)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01589

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm  
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

**Tên sản phẩm** : Syrena Boost  
**Số lượng/ khối lượng** : 12 bao/ 240 kg  
**Ngày sản xuất** : 13/3/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Delacon Biotechnik GmbH, Austria  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 4600043868 ngày 05/3/2025  
Hóa đơn số : V-RG-2025-0760 ngày 26/3/2025  
Vận đơn số : 738-01601401  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 1996/HQ-GDK-TTKN ngày 27/3/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250033772)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI**  
Địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã  
Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt  
Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 58 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

| DOANH<br>NGHIỆP<br>ĐƯỢC<br>ĐÁNH GIÁ      | MÃ SỐ MẪU    | QUY CHUẨN ÁP<br>DỤNG                              | TÊN SẢN PHẨM/CHỈ<br>TIÊU PHÂN TÍCH                                                                                                                                                                       | GHI CHÚ                |
|------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| CÔNG TY<br>TNHH<br>PROVIMI<br>04/04/2025 | 0425033/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1) | <b>Pyridoxine<br/>Hydrochloride</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)    | BNNPTNT<br>29250033629 |
|                                          | 0425034/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1) | <b>Vitamin B12 Feed<br/>Additive</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)   |                        |
|                                          | 0425035/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1) | <b>80% Riboflavin (Vitamin<br/>B2)</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) |                        |
|                                          | 0425036HQV2  | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1) | <b>Vitamin A Acetate 1000</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)          |                        |
|                                          | 0425037/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1) | <b>Vitamin D3 500</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)                  |                        |

|  |              |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |                        |
|--|--------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|  | 0425038/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1)                   | <b>Feed Additive Vitamin B1 (Thiamine Mononitrate)</b><br><i>Asen (As) vô cơ (mg/kg)</i><br><i>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)</i><br><i>Cadimi (Cd) (mg/kg)</i><br><i>Chì (Pb) (mg/kg)</i><br><i>Escherichia coli (CFU/g)</i><br><i>Salmonella (CFU/25g)</i> |                        |
|  | 0425039/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.1 bảng 1)                   | <b>Niacinamide Feed Grade</b><br><i>Asen (As) vô cơ (mg/kg)</i><br><i>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)</i><br><i>Cadimi (Cd) (mg/kg)</i><br><i>Chì (Pb) (mg/kg)</i><br><i>Escherichia coli (CFU/g)</i><br><i>Salmonella (CFU/25g)</i>                          |                        |
|  | 0425040/HQV2 | QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT<br>(Mục 2.3 bảng 3<br>Mục 2.5 bảng 6) | <b>Syrena Boost</b><br><i>Asen (As) vô cơ (mg/kg)</i><br><i>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)</i><br><i>Cadimi (Cd) (mg/kg)</i><br><i>Chì (Pb) (mg/kg)</i><br><i>Escherichia coli (CFU/g)</i><br><i>Salmonella (CFU/25g)</i>                                    | BNNPTNT<br>29250033772 |

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Phạm Hồng Quân**

## 2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

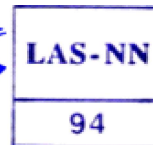
| Gửi mẫu         |         |                                                      | Phòng thử nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|---------|------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Người thực hiện | Đơn vị  | Thời gian<br>(ghi rõ .... giờ, ngày<br>.../.../....) |                                |         |
| Bùi Trọng Đoàn  | ASTAC 2 | 17h30 ngày 04/04/2025                                | ASTAC 1                        |         |





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3608/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 9462504238  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425033/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

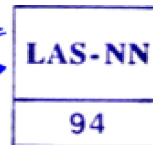
#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3609/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 9462504239

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425034/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

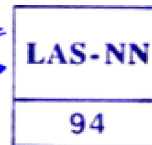
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3610/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 9462504240  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425035/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

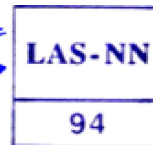
#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3611/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 9462504241

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425036/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

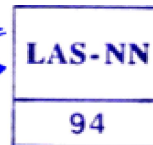
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3612/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 9462504242

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425037/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

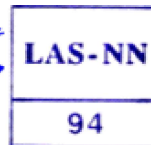
#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3613/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 9462504243  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425038/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

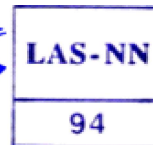
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3614/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 9462504244  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425039/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

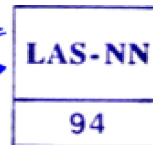
#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3615/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 9462504245  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425040/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,36               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*) (**)              | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*) (**)               | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.